UBND TỈNH KIÊN GIANG
ĐOÀN KIỂM TRA

Số: 148 /KH-ĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH

Kiểm tra kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021

Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm tra công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2021; Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021 (gọi tắt là Đoàn Kiểm tra).

Đoàn Kiểm tra xây dựng Kế hoạch kiểm tra kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2021 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá đúng thực chất mức độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị và địa phương; kịp thời phát hiện những mặt chưa làm được, hạn chế, thiếu sót để khắc phục, đồng thời phát huy ưu điểm, những mặt làm được, những mô hình, cách làm tốt để nhân rộng.

- Qua kiểm tra kiến nghị với các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra và cơ quan thẩm quyền chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng báo cáo tự kiểm tra đảm bảo trung thực, phản ảnh đúng tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2021 của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Công tác kiểm tra phải đánh giá đúng, khách quan về tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

II. NỘI DUNG

Nội dung kiểm tra theo Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng:

a) Đơn vị kiểm tra trực tiếp

- Cấp tỉnh: Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Y tế và Du lịch.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân các huyện: Tân Hiệp, Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao và Vĩnh Thuận.

- Cấp xã: Đoàn kiểm tra chọn 02 xã để kiểm tra trực tiếp đối với các huyện được kiểm tra.

b) Đơn vị tự kiểm tra

Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã (trừ các đối tượng ở điểm a khoản 1 Phần III). Đồng thời gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra về Đoàn kiểm tra (qua Phòng Cải cách hành chính và Tổ chức phi chính phủ - Sở Nội vụ) theo quy định.

2. Thời gian

- Dự kiến tổ chức kiểm tra vào đầu tháng 10 hoặc cuối tháng 10 năm 2021, tùy theo diễn biến của tình hình dịch bệnh Covid-19 (sẽ có thông báo lịch cụ thể sau). Trong trường hợp tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh còn diễn biến phức tạp và chưa kiểm soát được thì Sở Nội vụ sẽ tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Đoàn kiểm tra không tổ chức kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị và địa phương được kiểm tra.

- Đề cương báo cáo *(đính kèm)*

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn đề cương đối với Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu đề cương của Đoàn kiểm tra.

- Mốc thời gian báo cáo: Từ ngày 01/01/2021 đến 15/9/2021.

IV. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC VỚI ĐOÀN KIỂM TRA

- Cấp tỉnh: Đại diện lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh; lãnh đạo Văn phòng (hoặc phòng Tổ chức - Hành chính) phụ trách CCHC, lãnh đạo các phòng chuyên môn có liên quan; chuyên viên phụ trách công tác CCHC; chuyên viên được phân công làm đầu mối kiểm soát TTHC; đại diện lãnh đạo hệ thống quản lý chất lượng và Thư ký ISO.

- Cấp huyện: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND, đại diện lãnh đạo và chuyên viên phụ trách CCHC phòng Nội vụ; đại diện lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND; các phòng chuyên môn có liên quan, công chức được phân công làm đầu mối kiểm soát TTHC, đại diện lãnh đạo hệ thống quản lý chất lượng và Thư ký ISO.

- Cấp xã: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND, công chức phụ trách Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và công chức có liên quan, công chức được phân công làm đầu mối kiểm soát TTHC.

- *Lưu ý:* để đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo của tỉnh đề nghị thành phần dự họp với Đoàn thực hiện tốt quy tắc 5k và ít nhất đã thực hiện tiêm 1 mũi vaccin.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1 Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thuộc đối tượng kiểm tra trực tiếp và tự kiểm tra: Xây dựng báo cáo bằng văn bản và gửi về Đoàn Kiểm tra (qua Phòng Cải cách hành chính và Tổ chức phi chính phủ - Sở Nội vụ) ***trước ngày 15/10/2021***.

2. Đối với sở, ban, ngành và UBND cấp huyện Đoàn kiểm tra trực tiếp: chuẩn bị nơi làm việc và chuẩn bị các tài liệu kiểm chứng để làm việc với Đoàn kiểm tra.

3. Đối với UBND cấp xã, thời gian gửi báo cáo do UBND cấp huyện quy định.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra của Đoàn Kiểm tra năm 2021. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về Đoàn Kiểm tra (qua Phòng Cải cách hành chính và Tổ chức phi chính phủ - Sở Nội vụ) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;
- Thành viên Đoàn Kiểm tra;
- Lưu: VT, P. CCHC&TCPCP.

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KIÊN GIANG

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Huỳnh Xuân Luật

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO[1]

Kết quả thực hiện Công tác cải cách hành chính năm 2021

(phục vụ Đoàn kiểm tra hoặc tự kiểm tra)

(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-ĐKT ngày 04/9/2021 của Đoàn Kiểm tra)

Thực hiện Kế hoạch số /KH-ĐKT ngày tháng năm 2021 của Đoàn Kiểm tra công tác CCHC năm 2021. (tên cơ quan, đơn vị)..... báo cáo công tác CCHC năm 2021 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Kế hoạch CCHC:

- Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch:

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành:

- Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành: *(liệt kê tất cả các văn bản đã chỉ đạo)*

2. Kiểm tra CCHC

- Số đơn vị đã được tiến hành kiểm tra *(nêu rõ tên đơn vị được kiểm tra, đơn vị gửi báo cáo tự kiểm tra)*

- Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra *(nêu cụ thể)*

- Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong *(nêu rõ kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý)*

3. Kế hoạch thông tin, tuyên truyền công tác CCHC

+ Mức độ thực hiện đến thời điểm kiểm tra *(nêu rõ số liệu)*

+ So sánh tỷ lệ với Kế hoạch đề ra *(nêu rõ số liệu)*

4. Kế hoạch hưởng ứng thi đua chuyên đề công tác CCHC của tỉnh và các báo cáo công tác CCHC (quý, 6 tháng) theo quy định *(qua theo dõi Phòng CCHC&TCPCP báo cáo rõ để lãnh đạo đơn vị được kiểm tra biết chỉ đạo)*

5. Thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao

- Tổng số nhiệm vụ được giao (nêu rõ số liệu kết quả thực hiện)

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn:

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn:

Lưu ý: Số liệu của đơn vị báo cáo phải khớp với số liệu của Tổ công tác của UBND tỉnh theo Quyết định số 70/QĐ-VP ngày 15/4/2021 của Chánh Văn

[1] Ví dụ 1: Báo cáo phục vụ Đoàn kiểm tra kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2021; ví dụ 2: Báo cáo tự kiểm tra kết thực hiện công tác CCHC năm 2021.

Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Tổ theo dõi kết quả thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (gọi tắt là Tổ 70).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

- Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành; đạt tỷ lệ % so với số văn bản được HĐND, UBND tỉnh giao (*đối với sở, ban, ngành tỉnh*). Số VBQPPL đã tham mưu HĐND cấp huyện ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền (*đối với UBND cấp huyện*).

- Số VBQPPL của trung ương, của tỉnh ban hành được tổ chức, triển khai thực hiện (đạt tỷ lệ % so với tổng số văn bản phải triển khai thực hiện).

- Tham gia góp ý dự thảo VBQPPL của trung ương và của tỉnh: Tổng số dự thảo VBQPPL được giao góp ý, đã thực hiện góp ý đạt tỷ lệ %.

- Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền khi có kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

- Số VBQPPL đã thực hiện rà soát.

- Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền qua kết quả rà soát. Số VBQPPL đã xử lý xong.

(*Các VBQPPL được ban hành, kiểm tra, rà soát phải nêu cụ thể số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, tên loại và tên gọi của văn bản*)

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật:

+ Ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật.

+ Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật.

+ Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật. Báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC

2.1.1. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện kiểm soát TTHC theo các nội dung sau đây:

a) Cơ sở pháp lý của việc ban hành các văn bản;

b) Thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện kiểm soát TTHC;

c) Nội dung văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện kiểm soát TTHC về sự phù hợp, thống nhất với các văn bản pháp lý cao hơn.

2.1.2. Công tác tổ chức thực hiện kiểm soát TTHC gồm: việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các Kế hoạch có liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC; việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm soát TTHC; công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức; những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện (nếu có).

2.1.3. Công tác tổ chức, nhân sự thực hiện kiểm soát TTHC gồm: cán bộ, công chức đầu mối làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC, chế độ cho cán bộ, công chức đầu mối làm nhiệm vụ, kiểm soát TTHC; những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện (nếu có).

2.1.4. Việc bố trí và sử dụng kinh phí kiểm soát TTHC; những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện (nếu có).

2.2. Việc thực hiện đánh giá tác động TTHC và việc tiếp thu, giải trình nội dung tham gia ý kiến về quy định TTHC của cơ quan chủ trì soạn thảo

2.2.1. Việc thực hiện đánh giá tác động của quy định TTHC trong lập đề nghị xây dựng pháp luật và xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC theo quy định tại Điều 10 của Nghị định 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

2.2.2. Việc tiếp thu, giải trình nội dung tham gia ý kiến về quy định TTHC theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

2.3. Việc thực hiện công bố danh mục TTHC

a) Thực hiện công bố danh mục TTHC.

b) Kiểm tra tính đầy đủ, tính chính xác, tính kịp thời và thẩm quyền ban hành đối với quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.4. Việc giải quyết TTHC

2.4.1. Việc giải quyết TTHC dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC, nội dung TTHC được niêm yết tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC và thông tin công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

2.4.2. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật.

a) Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

b) Tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại đơn vị.

c) Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

d) Tình hình, kết quả thực hiện đánh giá về việc giải quyết TTHC.

đ) Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông (nếu có).

2.4.3. Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan thực hiện TTHC, cán bộ, công chức được phân công thực hiện TTHC theo các nội dung quy định tại Điều 18 và Điều 20 Nghị định 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

2.5. Kiểm tra việc rà soát, đánh giá TTHC *(Các cơ quan, đơn vị được giao rà soát, đánh giá TTHC theo Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 báo cáo nội dung này)*

2.5.1. Thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC theo quy định tại Chương V Nghị định 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và Chương V Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.

2.5.2. Việc rà soát, đánh giá TTHC theo các nội dung:

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC hàng năm và tổ chức triển khai kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của các tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

b) Tiến độ và kết quả rà soát, đánh giá TTHC theo kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC do Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c) Việc xử lý kết quả rà soát, đánh giá; tình hình, kết quả thực thi phương án đơn giản hóa TTHC đã được cấp có thẩm quyền thông qua hoặc phê duyệt.

2.6. Kiểm tra việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính

2.6.1. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung) và Chương VI Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.

2.6.2. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo các nội dung:

a) Việc công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín hoặc thư điện tử, số điện thoại chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận phản ánh, kiến nghị;

b) Quá trình thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

c) Việc đăng ký tài khoản trên Cổng DVC quốc gia để được phân quyền sử dụng trên hệ thống để tiếp nhận, xử lý PAKN trên Cổng DVC quốc gia

2.7. Công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC.

Kiểm tra kế hoạch và quá trình triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông về kiểm soát TTHC (bao gồm cả truyền thông nội bộ và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị: việc thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 29/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang và Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 11/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ.

Đơn vị báo cáo kết quả triển khai thực hiện: Tổng số phòng, ban chuyên môn hành chính và tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu có) của năm báo cáo là bao nhiêu? sau khi sắp xếp đã giảm được bao nhiêu phòng ban đơn vị hành chính, bao nhiêu đơn vị sự nghiệp trực thuộc so với năm trước liền kề và tổng giảm bao nhiêu đơn vị trong giai đoạn 2015-2021; giảm bao nhiêu số lượng lãnh đạo cấp trưởng, phó phòng do thực hiện sắp xếp. Dự kiến kế hoạch giai đoạn mới 2022-2025.

(Kèm theo tài liệu đối chiếu liên quan)

- Về biên chế: bao gồm biên chế công chức hành chính và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp)

+ Tổng số biên chế được giao trong năm là bao nhiêu (trong đó hành chính là..., sự nghiệp là...)

Đơn vị photo gửi kèm quyết định của đơn vị về chi tiết giao biên chế cho từng phòng, ban, đơn vị trực sự nghiệp thuộc, sau khi có quyết định giao tổng của HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, để đối chiếu.

+ Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo là bao nhiêu (trong đó hành chính là..., sự nghiệp là...).

+ Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước (nếu có) (trong đó hành chính là..., sự nghiệp là...).

+ Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo, chia theo 02 khối hành chính và sự nghiệp cụ thể:

Đơn vị báo cáo rõ số lượng đã giản biên chế trong năm báo cáo và tổng giai đoạn năm 2015 – 2021 (trong đó hành chính là..., sự nghiệp là...). Thống kê số đã giải quyết nghỉ hưu, thôi việc trong năm là ...., nghỉ chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (sửa đổi NĐ 113/2018/NĐ-CP, NĐ 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ) trong năm báo cáo (trong đó hành chính là..., sự nghiệp là...).

+ Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015:

- Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự

(kèm theo tài liệu đối chiếu liên quan)

4. Cải cách chế độ công vụ

- Vị trí việc làm của công chức, viên chức

Báo cáo việc xây dựng, điều chỉnh bổ sung trình phê duyệt đề án vị trí việc làm (kể cả đơn vị hành chính và sự nghiệp trực thuộc); thực hiện bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tỉ lệ bố trí phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ là bao nhiêu ...% trên tổng số hiện có mặt.

Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra (nếu có).

(kèm theo văn bản phê duyệt đề án vị trí việc làm và tài liệu liên quan để đối chiếu)

- Tuyển dụng công chức, viên chức

+ Số công chức được UBND tỉnh tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) trong năm:.....

+ Số công chức được UBND tỉnh tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt (nếu có) trong năm:....

+ Số cán bộ, công chức cấp xã được UBND tỉnh xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên (nếu có) trong năm:....

+ Số viên chức được đơn vị tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) trong năm:

+ Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt (nếu có) trong năm:…

Báo cáo nêu rõ số biên chế còn chưa tuyển dụng kịp thời (nêu rõ lý do).

(kèm theo tài liệu đối chiếu liên quan)

- Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo

Trong năm số lãnh đạo cấp phòng và lãnh đạo đơn vị sự nghiệp trực thuộc được bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại,…, là bao nhiêu (nếu có):…

Báo cáo sơ bộ các đối tượng được bổ nhiệm, , bổ nhiệm lại,… có đảm bảo về số lượng, tiêu chuẩn quy định không? Có tình trạng khiếu nại tố cáo không?.

(kèm theo tài liệu đối chiếu liên quan)

- Về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).

Số lượng công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm (nếu có): trong đó lãnh đạo là…, công chức là…., viên chức sự nghiệp là….Chia theo mức độ, hình thức kỹ luật cụ thể.

(kèm theo tài liệu đối chiếu liên quan)

- Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm.

Báo cáo làm rõ số lượng công chức, viên chức đào tạo, bồi dưỡng trong năm. So sánh, đánh giá kết quả đã đào tạo, bồi dưỡng so với kế hoạch đã đề ra trong năm, đạt được tỉ lệ bao nhiêu % so với kế hoạch, lý do còn hạn chế (gửi kèm kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đối chiếu).

(kèm theo tài liệu đối chiếu liên quan)

5. Cải cách tài chính công

- Việc thực hiện công khai ngân sách theo Thông tư số 61 /2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Thực hiện cơ chế tự chủ theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016: việc thực hiện cơ chế tự chủ theo Công văn số 279/STC-TCHCSN ngày 24/02/2021 của Sở Tài chính về việc thời gian gửi thẩm định

phương án tự chủ tài chính và Đề án sử dụng tài sản công; thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ năm 2020; công khai kết quả sử dụng kinh phí định kỳ hàng quý, năm; thực hiện tiết kiệm và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức...

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị: việc thành lập và quy chế hoạt động Ban biên tập Cổng/Trang Thông tin điện tử của đơn vị; Giấy phép hoạt động Trang thông tin điện tử tổng hợp (nếu có); Thống kê đăng tải tin bài, văn bản trên Trang; thống kê trả lời phản ánh, kiến nghị, câu hỏi của người dân và doanh nghiệp thông qua Cổng/Trang.

- Về trao đổi văn bản điện tử:

+ Hiện trạng triển khai phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc tại đơn vị (Số lượng CBCC, các đơn vị, phòng, ban trực thuộc tham gia hệ thống; tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng, khai thác hệ thống trong xử lý công việc, văn bản)

+ Sử dụng văn bản điện tử: Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử *(sử dụng chữ ký số và phát hành trên môi trường điện tử)*; tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy.

- Hệ thống thông tin Một cửa điện tử: Hiện trạng triển khai hệ thống Một cửa điện tử tại cơ quan, đơn vị; tỷ lệ thủ tục hành chính được triển khai tiếp nhận và xử lý trên hệ thống so với tổng thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị; tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận và xử lý trên hệ thống so với tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận, giải quyết của đơn vị…

- Thống kê số lượng CBCC được cấp và sử dụng thư điện tử công vụ, tỷ lệ thư điện tử công vụ so với số lượng CBCC tại đơn vị.

- Hiệu quả triển khai Dịch vụ công trực tuyến:

+ Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3:

+ Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4:

+ Tỷ lệ DVCTT mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến, số lượng hồ sơ trực tuyến:

+ Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến, số lượng hồ sơ trực tuyến:

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): Số TTHC có phát sinh hồ sơ thực hiện dịch vụ bưu chính công ích; tổng số hồ sơ TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết qua

dịch vụ bưu chính công ích (BCCI); trong đó: Tiếp nhận:.....; trả kết quả:.....; tiếp nhận và trả kết quả:....

- Các ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác (nếu có) hỗ trợ cho quá trình ứng dụng công nghệ thông tin đổi mới lề lối làm việc, hiện đại hóa hành chính của cơ quan, đơn vị

6.2. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn ISO tại cơ quan, đơn vị

Báo cáo tình hình thực hiện duy trì và cải tiến HTQLCL của cơ quan theo các nội dung tại khoản 1, mục II của Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh về duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính tỉnh Kiên Giang năm 2021. Trong đó nêu rõ:

- Số quy trình/thủ tục ISO được sửa đổi, bổ sung (cập nhật các thay đổi của TTHC do UBND tỉnh ban hành, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL).

- Tình hình đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo.

- Thực hiện công bố lại HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015, khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL.

- Việc áp dụng HTQLCL đối với các hoạt động nội bộ, hoạt động khác của cơ quan.

Đánh giá chung về hoạt động duy trì và cải tiến HTQLCL của cơ quan.

III. ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế *(nêu rõ)*

3. Giải pháp khắc phục

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ